

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-KHTC

Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2023

Vv báo cáo chuẩn bị nội dung trả lời
chất vấn tại kỳ họp thứ 17, HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 6786/UBND-TH₁ ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 17 HĐND tỉnh; sau khi rà soát, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo trả lời các nội dung chất vấn liên quan như sau:

Nội dung 1: *Việc liên kết mô hình sản xuất nông nghiệp giữa người nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã hiện còn nhiều khó khăn. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân và giải pháp khắc phục.*

Trả lời:

1. Liên quan nội dung này, tại kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh (cuối năm 2022) đã có báo cáo trả lời chất vấn trực tiếp; trên cơ sở các giải pháp được đưa ra trong trả lời tại kỳ họp HĐND tỉnh, tập trung cao chỉ đạo triển khai và kết quả đến nay được UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo gửi Đại biểu HĐND tỉnh (tại Văn bản số 6818/UBND-TH₆ ngày 01/12/2023 về báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chất vấn từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến nay).

Những năm qua, thực hiện chủ trương cơ cấu nông nghiệp, tỉnh ta đã ban hành đồng bộ hệ thống đề án, cơ chế, chính sách và tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp, quan tâm xúc tiến, thu hút các DN, HTX vào đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thông qua các mô hình đã chuyển giao các tiến bộ KHCN, thúc đẩy nông nghiệp phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng năm 2023 ước đạt trên 2,71% (năm 2022 là 1,2%), giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt trên 97,5 triệu đồng/ha, cơ cấu kinh tế sản xuất chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, giảm trồng trọt, tăng dần tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản. Đến nay, từng bước hình thành và phát triển một số mô hình liên kết, chuỗi liên kết sản xuất trên các lĩnh vực, sản phẩm chủ lực:

Lĩnh vực Chăn nuôi: Duy trì phát triển ổn định 159 cơ sở chăn nuôi lợn liên kết với doanh nghiệp lớn như Công ty CP Việt Nam, Tổng Công ty KS&TM Hà Tĩnh, công ty Golden Star... (gồm 140 cơ sở lợn thịt, 19 cơ sở lợn nái), xây dựng được 15 mô hình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ (tổng đàn lợn hơn 1.100 con) liên kết với Tập đoàn Quế Lâm; 39 cơ sở chăn nuôi gà liên kết với công ty (Golden Star, Japfa, C.P...); trang trại bò sữa tại xã Sơn Lễ của Công ty Vinamilk với quy mô thả nuôi đạt 2.160 con có liên kết trồng cây thức ăn chăn nuôi với các hộ dân 180 ha (Hương Sơn 110 ha; Đức Thọ 70 ha) và một số cơ sở chăn nuôi gắn với thu mua, chế biến, tiêu thụ nhưng hươu (khoảng 20 cơ sở), sản lượng thu mua từ 0,2-1 tấn/năm.

Lĩnh vực Trồng trọt: Phát huy chuỗi liên kết sản xuất, thu mua, bảo quản, chế biến và xuất khẩu chè của Công ty CP chè Hà Tĩnh (quy mô trên 1.200 ha, sản lượng

bình quân trên 10.000 tấn búp tươi/năm. Phát triển các mô hình đầu tư nhà màng, nhà lưới gắn với liên kết sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế như dưa lưới, dưa, hoa,... sản xuất theo hướng an toàn, VietGap, hữu cơ; liên kết sản xuất lúa giống của Công ty giống cây trồng Hà Tĩnh (khoảng 120 ha/năm), liên kết trong thu mua, tiêu thụ cam, bưởi Phúc Trạch (trên 3.000 tấn/năm) để xuất bán trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra, hàng năm theo mùa vụ thu hoạch, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã chủ động kết nối với HTX, THT trên địa bàn tổ chức hợp tác thu mua, tiêu thụ sản phẩm tại đồng ruộng, vườn cây cho người dân.

Lĩnh vực Thủy sản, Lâm nghiệp: Phát triển các mô hình nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao, nuôi trên cát (diện tích thả nuôi trên 629 ha), gắn với các doanh nghiệp (như: Công ty CP, Công ty Thông Thuận, Công ty Việt Úc,...) liên kết với các HTX, hộ nuôi trồng thủy sản trong khâu cung ứng con giống, thức ăn; duy trì hoạt động 67 tổ đội (với 413 tàu cá), 02 nghiệp đoàn nghề cá với hơn 400 tàu cá tham gia liên kết, hỗ trợ nhau trong sản xuất, đánh bắt trên biển. Hình thành vùng trồng rừng nguyên liệu để cung cấp cho các nhà máy biến gỗ xuất khẩu hiện có trên địa bàn (như Nhà máy MDF, HDF của Công ty Thanh Thành Đạt ở Vũ Quang,...).

2. Tuy vậy, việc phát triển và nhân rộng các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất giữa người dân với DN, HTX còn khó khăn, liên kết theo chuỗi khép kín chưa trở thành phổ biến, đang chủ yếu ở một số khâu, một số sản phẩm hàng hóa tập trung quy mô lớn chưa nhiều (mặt dù, thời gian qua, tỉnh đã kêu gọi một số tập đoàn như: Vinamilk, Vinafood,... vào nghiên cứu, khảo sát đang gặp khó khăn xác định quỹ đất "sạch", tập trung quy mô lớn để đáp ứng dự án đầu tư).

Ngoài các nguyên nhân khách quan do đặc thù sản xuất phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thời tiết, dịch bệnh, sản xuất theo mùa vụ, đất đai nhiều vùng lập địa khác nhau; giá cả vật tư đầu vào tăng cao, thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, trong khi sản xuất quy mô nhỏ lẻ, phân tán với chủ yếu các nông hộ đang thực sự trở thành rào cản lớn cho việc thu hút doanh nghiệp vào đầu tư liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến. *Nguyên nhân chủ quan:* (1) chưa thu hút, hình thành được các doanh nghiệp lớn giữa vai trò "chủ đạo" trong liên kết sản xuất trên các lĩnh vực, nhất là các doanh nghiệp tham gia liên kết đảm bảo theo Điều 6 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; (2) việc chỉ đạo, phát triển mô hình liên kết, công tác tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn chính sách ở một số lĩnh vực, địa phương chưa thực sự quyết liệt; (3) Chất lượng, hiệu quả hoạt động các HTX, THT nông nghiệp còn hạn chế...; (4) việc nắm bắt thông tin thị trường, một số hộ dân chưa tuân thủ theo hợp đồng khi tham gia liên kết...

3. Định hướng, giải pháp thời gian tới

- Trên cơ sở mục tiêu, định hướng Chương trình hành động số 16- CTr/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng và Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nội dung, giải pháp Kế hoạch Cơ cấu lại nông nghiệp, trong đó tập trung củng cố, hoàn thiện, nhân rộng các chuỗi, liên kết đã và đang hình thành trên các lĩnh vực (*Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản, Lâm nghiệp*), sản phẩm hàng hóa chủ lực có lợi thế như *sản xuất lúa gạo, chăn nuôi lợn theo hướng an toàn, hữu cơ, tuần hoàn liên kết với Tập đoàn Quế Lâm, Công ty giống cây trồng Hà Tĩnh; liên kết sản xuất chè công nghiệp xuất khẩu gắn với Công ty chè Hà Tĩnh, cây ăn quả (cam, bưởi Phúc Trạch); gỗ rừng nguyên liệu tập trung thâm canh, chăn nuôi gia súc, gia cầm (lợn, bò, gia cầm, hươu) quy mô lớn, nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, nuôi tôm trên cát....* Kêu

gọi, thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, chuỗi liên kết theo chuỗi giá trị bền vững. Hàng năm, chỉ đạo sơ kết, tổng kết đánh giá, nhân rộng các mô hình liên kết có hiệu quả.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, triển khai có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương, của tỉnh đã ban hành, trước hết là chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98 của Chính phủ, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 51 của HĐND và các nghị quyết liên quan. Hàng năm, chỉ đạo rà soát, kiểm tra, đánh giá, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các chính sách mới phù hợp yêu cầu sản xuất.

- Lồng ghép các chương trình, dự án, huy động các nguồn lực xã hội khác để đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng phục vụ liên kết sản xuất.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Thường xuyên đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng mẫu mã, chất lượng, phát triển chuỗi cửa hàng liên kết tiêu thụ nông sản trong và ngoài tỉnh.

Nội dung 2: *Trên địa bàn huyện Kỳ Anh, diện tích rừng giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tỉnh quản lý khá lớn, trong đó có một số diện tích người dân sử dụng trước khi giao cho Chủ rừng. Quá trình quản lý, phần diện tích của Chủ rừng trồng rừng sản xuất thì được khai thác, còn người dân không được khai thác. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh làm rõ nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ.*

Trả lời:

1. Hiện trạng quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp tại Ban QLRPH Nam Hà Tỉnh.

Ban Quản lý rừng PH Nam Hà Tỉnh tiền thân là Ban quản lý Công nông Lâm nghiệp Bắc Thượng Kỳ Anh thành lập năm 1994¹. Trước đây, Ban Quản lý RPH Nam Hà Tỉnh được UBND tỉnh giao quản lý rừng và đất lâm nghiệp với tổng diện tích 28.073,26 ha. Qua nhiều lần rà soát để cắt chuyển về địa phương, thu hồi giao lại thực hiện các dự án trên địa bàn với tổng diện tích 7.758,62 ha²; đến nay tổng diện tích Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tỉnh được giao quản lý là 20.314,64 ha³ rừng và đất lâm nghiệp thuộc địa bàn 19 xã, phường của huyện và thị xã Kỳ Anh, chiếm 36,2% tổng diện tích (56.068,65 ha) đất lâm nghiệp huyện Kỳ Anh và Thị xã Kỳ Anh. Trong tổng 20.314,64 ha rừng và đất lâm nghiệp, gồm: 16.350 ha đất QH rừng phòng hộ, chiếm 80,5% diện tích đất được giao quản lý (*trong đó: rừng tự nhiên 11.702 ha, rừng trồng 4.336 ha và đất khác (khe suối...) 312 ha*) và đất QH rừng sản xuất là 3.965 ha, chiếm 19,5% (*trong đó: rừng tự nhiên 1.406 ha, rừng trồng là 2.100 ha, đất khác 458 ha*).

- Về giao khoán rừng và đất lâm nghiệp: Tổng diện tích giao khoán 686,3 ha,

¹ năm 1997 chuyển thành Ban quản lý đầu tư xây dựng RPH sông Rác theo Quyết định số 687 ngày 03/6/1997 và từ năm 2001 được đổi tên thành Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh theo Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 20/11/2001 của UBND tỉnh.

² Năm 2006 được UBND tỉnh giao đất theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2006, với diện tích 22.839,01 ha; năm 2011 tiếp nhận thêm rừng phòng hộ, rừng tự nhiên từ Công ty Cổ phần Nông lâm sản Hà Tĩnh diện tích 5.234,25ha

³ Gồm: Thu hồi do điều chỉnh ranh giới, chuyển về địa phương và giao lại cho các Công ty, diện tích 7.391,78 ha; Thu hồi chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các Dự án, diện tích 153,54 ha và đưa ra khỏi quy hoạch: 213,3 ha

trong đó: Rừng phòng hộ thực hiện giao khoán 37,3 ha/09 hộ; Rừng sản xuất thực hiện giao khoán 649 ha/154 hộ, cụ thể:

+ Huyện Kỳ Anh: 286,3 ha/84 hộ, trong đó: Rừng phòng hộ giao khoán 18,7 ha/08 hộ; Rừng sản xuất giao khoán 267,6 ha/76 hộ.

+ Thị xã Kỳ Anh: 400 ha/79 hộ, trong đó: Rừng phòng hộ giao khoán 18,6 ha/01 hộ; Rừng sản xuất giao khoán 381,4 ha/78 hộ.

- Hiện tại diện tích rừng và đất lâm nghiệp giao cho Ban Quản lý RPH Nam Hà Tỉnh quản lý chủ yếu là diện tích rừng phòng hộ và rừng tự nhiên (17.757 ha, chiếm trên 87,4%); số diện tích quy hoạch sản xuất là rừng trồng giao cho Ban QL RPH Nam Hà Tỉnh quản lý còn lại chủ yếu là diện tích nhỏ lẻ, phân bố xen kẽ, phân tán, đất khác trong diện tích rừng phòng hộ, rừng tự nhiên. Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt và đang chỉ đạo Ban QL RPH Nam Hà Tỉnh triển khai thực hiện Phương án QLRP Bền vững giai đoạn 2022 - 2030 (tại Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 27/6/2022), với mục tiêu quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có...

2. Về các nội dung kiến nghị của cử tri đối với Ban QL RPH Nam Hà Tỉnh:

- Theo cử tri phản ánh, "*có một số diện tích người dân sử dụng trước khi giao cho chủ rừng quản lý*": Ban quản lý rừng PH Nam Hà Tỉnh tiếp nhận quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp từ các đơn vị Ban quản lý đầu tư xây dựng rừng phòng hộ sông Rác, Lâm trường Kỳ Anh cũ, Nông trường chè 12/9 (năm 1997), Công ty Cổ phần Nông lâm sản Hà Tĩnh (năm 2011). Quá trình quản lý, cắt chuyển và tiếp nhận từ nhiều đơn vị, có nhận được ý kiến phản ánh của người dân về việc sử dụng trước khi giao cho đơn vị quản lý. Tuy nhiên, quá trình kiểm tra, rà soát, phối hợp làm việc với chính quyền địa phương, bước đầu các hộ dân không cung cấp được hồ sơ để chứng minh nguồn gốc sử dụng từ năm nào, do đó chưa có cơ sở.

- Về công tác quản lý, khai thác rừng trồng, "*Quá trình quản lý, phần diện tích của Chủ rừng trồng rừng sản xuất thì được khai thác, còn người dân thì không được khai thác*":

Việc quản lý khai thác rừng trồng trong thời gian qua, Ban quản lý rừng PH Nam Hà Tỉnh đã thực hiện theo quy định, trước đây tại Thông tư số 27 ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và từ năm 2023 thực hiện theo Thông tư số 26 ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, cụ thể:

+ *Đối với rừng trồng là thuộc quy hoạch rừng sản xuất*: Năm 2023 đã thực hiện việc khai thác rừng trồng với diện tích 148,18ha cho các hộ dân trên địa bàn, trong đó: Khai thác Rừng trồng sản xuất: 101,13 ha (tại các Xã Kỳ Sơn, Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh diện tích 69,3 ha; tại các phường: Kỳ Phương, Kỳ Trinh, Kỳ Long, Thị xã Kỳ Anh diện tích 31,83 ha). Khai thác rừng trồng phòng hộ: 47,05ha. Quá trình thực hiện, đối với diện tích rừng trồng sản xuất, lâu nay các hộ gia đình cá nhân có diện tích rừng trồng được chủ động thực hiện việc khai thác lâm sản bình thường theo quy định; không có vướng mắc.

+ *Đối với việc khai thác rừng trồng thuộc quy hoạch phòng hộ*: Hiện nay, trên diện tích rừng phòng hộ giao Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tỉnh quản lý có một số diện tích rừng trồng do dân tự bỏ vốn trồng rừng (trước đây là rừng trồng phòng hộ do nhà nước đầu tư đã được thanh lý rừng do thiệt hại bão năm 2017 gây ra, sau đó

người dân tự bỏ vốn trồng lại rừng năm 2018 và lấn chiếm, tự đầu tư trồng rừng hình thành từ thời kỳ các tổ chức khác quản lý sau đó bàn giao chuyển về Ban QL RPH Nam Hà Tỉnh tiếp nhận nguyên trạng), toàn bộ diện tích này người dân không có hồ sơ nhận khoán, cụ thể tại một số địa phương như Kỳ Phong, Kỳ Sơn, Kỳ Tây, Kỳ Thượng, Kỳ Trung, Kỳ Hoa, Kỳ Lợi, Kỳ Phương.v.v...

Theo quy định mới tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định việc khai thác rừng phòng hộ, chủ rừng phải có hồ sơ đầy đủ, lập phương án khai thác, trình sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt, loài cây trồng rừng phòng hộ sau khai thác ưu tiên trồng cây bản địa theo phương án thiết kế được phê duyệt theo Thông tư số 17/2022/TT-BNN ngày 27/10/2022 của Bộ về quy định các biện pháp lâm sinh. Tuy nhiên, đến nay số diện tích nêu trên, các hộ chưa có giấy tờ, thủ tục liên quan để làm hồ sơ khoán, do vậy Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tỉnh chưa có cơ sở để xây dựng phương án khai thác theo quy định.

*** Nguyên nhân:**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Việc quản lý rừng và đất lâm nghiệp do lịch sử để lại; người dân đã vào rừng khai hoang, lấn chiếm tự đầu tư trồng rừng qua nhiều thời kỳ, không có hồ sơ thủ tục theo quy định. Đồng thời, điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống, việc làm, sinh kế của một bộ phận người dân sống gần rừng trên địa bàn còn khó khăn.

+ Quy định pháp luật về đất đai, đặc biệt là việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp trước đây chưa được chú trọng; Luật Lâm nghiệp có nhiều thay đổi, trước đây là luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; nay là Luật Lâm nghiệp, các chính sách về đầu tư bảo vệ và phát triển rừng còn nhiều hạn chế.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Chủ rừng chưa kịp thời, quyết liệt, kiên quyết trong tham mưu, chỉ đạo rà soát và thực hiện các giải pháp để xử lý dứt điểm việc người dân tự ý trồng rừng trên diện tích được giao quản lý. Ý thức, nhận thức của một số người dân trên địa bàn về luật lâm nghiệp, luật đất đai còn hạn chế.

+ Chính quyền địa phương (xã, huyện) chưa thực sự thực hiện kịp thời công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động người dân chấp hành tốt các quy định về luật lâm nghiệp, luật đất đai và định liên quan.

3. Giải pháp thời gian tới:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Chỉ đạo, đôn đốc Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh tiếp tục thực hiện tốt các nội dung, giải pháp theo Phương án QLRP Bền vững giai đoạn 2022 - 2030 đạt được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 27/6/2022

+ Chỉ đạo Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh phối hợp với chính quyền cấp xã, huyện kiểm tra, soát xét, làm rõ các diện tích hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư trồng rừng trên diện tích do Ban quản lý như đã nêu trên để có giải pháp xử lý cụ thể.

++ Đối với diện tích rừng trồng sản xuất do các hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư trồng rừng, nếu đầy đủ hồ sơ thủ tục giao khoán và quản lý theo quy định thì các hộ tiếp tục thực hiện việc khai thác và trồng rừng theo quy định. Trường hợp tự lấn chiếm trồng rừng giao Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh căn cứ các quy định hiện hành xây dựng

phương án xử lý theo quy định.

++ Đối với diện tích rừng trồng phòng hộ do người dân tự bỏ vốn trồng rừng: Giao Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, xem xét đề xuất cụ thể từng trường hợp; gửi đề xuất phương án quản lý, sử dụng diện tích rừng trồng của các hộ gia đình tự trồng trên diện tích đất rừng phòng hộ, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của Pháp luật và quy chế quản lý rừng phòng hộ.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc rà soát, xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, bản đồ địa chính và hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất cho các chủ rừng là tổ chức, Ban quản lý rừng (trong đó có Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh) theo Đề án tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được UBND tỉnh phê duyệt tại 4163/QĐ-UBND ngày 24/12/2021. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các địa phương, chủ rừng thực hiện tốt các nội dung Phương án QLRP Bền vững giai đoạn 2022 - 2030 phê duyệt tại Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 27/6/202 của UBND tỉnh.

- UBND huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh:

+ Chỉ đạo các phòng, lực lượng chức năng, cấp ủy, chính quyền các xã phối hợp Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh soát xét, làm rõ các diện tích hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư trồng rừng trên diện tích do Ban quản lý, căn cứ quy định hiện hành, đề xuất phương án giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể.

+ Tập trung cao chỉ đạo chính quyền các xã tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra người dân chấp hành tốt các quy định Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai; phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý RPH Nam Hà Tỉnh trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp, hành vi phát xẻ, lấn chiếm rừng và đất rừng trên địa bàn.

Nội dung 3: *Việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương thời gian gần đây có biểu hiện chững lại; thực hiện nội dung, tiêu chí tỉnh nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao còn nhiều khó khăn. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp thời gian tới.*

Trả lời:

Nội dung này đã được cử tri quan tâm hỏi tại Kỳ họp thứ 11 (Kỳ họp cuối năm 2022) và Kỳ họp thứ 14 (kỳ họp giữa năm 2023), Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo trả lời gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2721/SNN-KHTC ngày 12/12/2022 và Văn bản số 1880/SNN-KHTC ngày 10/7/2023. UBND tỉnh đã có báo cáo gửi tới Thường trực HĐND tỉnh trả lời kiến nghị của cử tri và đã đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp. Thời gian qua UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh tiếp tục quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo; trong công tác lãnh đạo, điều hành có nhiều đổi mới, linh hoạt, tập trung chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu có trọng tâm, trọng điểm, quan tâm cao tính hiệu quả, bền vững trên các nội dung, tiêu chí và có sự phân cấp, phân quyền cho các địa phương, giao trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị đỡ đầu, tài trợ đến tận thôn trong xây dựng NTM, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ, đầu tư cho các xã, huyện chưa đạt chuẩn. Đến nay, kết quả đạt được, khó khăn, nguyên nhân và giải pháp thời gian tới cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện:

1.1. Về công tác tuyên truyền: UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh tuyên truyền về xây dựng NTM, OCOP giai đoạn 2021-2025; in ấn, phát hành 11.800 cuốn Sổ tay hướng dẫn một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM. Từ đầu năm 2023 đến nay có trên 1.100 tin, bài, phóng sự, ký sự được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng...

1.2. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát:

- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và xây dựng đô thị văn minh tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá giữa kỳ Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM; họp đánh giá công tác xây dựng NTM 8 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 4 tháng cuối năm 2023 vào ngày 26/8/2023. Sau các cuộc họp đều có Thông báo kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh đánh giá kết quả đạt được và chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ thời gian tới.

- Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo, đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh đã làm việc với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành về tình hình, kết quả thực hiện Chương trình NTM và nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới; kiểm tra tiến độ xây dựng NTM tại các huyện Đức Thọ, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Hương Khê, Can Lộc, Kỳ Anh; sau các cuộc làm việc đều có Thông báo kết luận chỉ đạo các sở, ngành, địa phương. Chỉ đạo các các sở, ngành phụ trách tiêu chí tổ chức làm việc với huyện Nghi Xuân hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong xây dựng huyện đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023; chỉ đạo các địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023.

- Tập trung chỉ đạo các huyện, thành phố, thị xã có thôn đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu; xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTMT kiểu mẫu; các huyện, thành phố, thị xã đã đạt chuẩn NTM/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020) căn cứ Bộ tiêu chí NTM thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 tổ chức rà soát, đánh giá lại mức độ đạt chuẩn, xây dựng kế hoạch nâng cấp, cập nhật các tiêu chí trước ngày 15/4/2023, đồng thời tổ chức thực hiện đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới trước ngày 31/12/2023 (Văn bản số 1273/UBND-NL5 ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh). Thực hiện Văn bản số 14/BCĐCTMTQG ngày 03/11/2023 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tập trung chỉ đạo duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã, huyện đã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình NTM (Văn bản số 6783/UBND-NL5 ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh).

1.3. Về công tác huy động nguồn lực: Trong phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình ưu tiên phân bổ cho các xã, huyện chưa đạt chuẩn, nhất là nguồn ngân sách tỉnh; tập trung các đơn vị cấp tỉnh đỡ đầu cho 4 xã còn lại chưa đạt chuẩn của huyện Hương Khê (năm 2023 các đơn vị hỗ trợ gần 16 tỷ đồng, gồm: tiền mặt, hiện vật và ngày công quy thành tiền). Báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả đánh giá giữa kỳ thực hiện Đề án Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM (Văn bản số 4677/UBND-NL5 ngày

31/8/2023); theo đó kiến nghị, đề xuất Trung ương xem xét hỗ trợ tỉnh Hà Tĩnh nguồn kinh phí để thực hiện Đề án thí điểm tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; đề xuất các bộ, ngành quan tâm hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm. Đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021 - 2025” (Văn bản số 5767/UBND-NL5 ngày 18/10/2023). Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thẩm tra, thẩm định tham mưu thừa nhận xã đạt chuẩn NTM sau sáp nhập (Văn bản số 4859/UBND-NL5 ngày 11/9/2023).

1.4. Về kiện toàn bộ máy Văn phòng Điều phối NTM tỉnh: Chỉ đạo các Sở, ngành tham mưu, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương kiện toàn cơ cấu tổ chức của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (Văn bản số 217-CV/BCSD ngày 12/9/2023) và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Văn bản số 2026-CV/TU ngày 25/9/2023. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 5984/UBND-NL5 ngày 27/10/2023 về việc tham mưu thực hiện Văn bản 2026-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sở Nội vụ đã có Văn bản trình UBND tỉnh kiện toàn cơ cấu tổ chức của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh. Ngày 01/12/2023 Ủy ban nhân tỉnh họp và thống nhất ban hành Quyết định kiện toàn Văn phòng Điều phối thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Hà Tĩnh.

** Đánh giá chung về kết quả thực hiện:* Từ đầu năm 2023 đến nay, các địa phương tiếp tục tập trung cao cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM; phong trào xây dựng NTM tiếp tục được các địa phương thực hiện quyết liệt và có hiệu quả; một số địa phương tiếp tục duy trì ngày về cơ sở xây dựng nông thôn mới; các xã, huyện đã đạt chuẩn tập trung rà soát, cập nhật theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2022 -2025, chuyển mạnh sang xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất trường học, giao thông, công trình cấp nước tập trung; công tác bảo vệ môi trường cảnh quan nông thôn; nhiều cộng đồng dân cư tích cực tổ chức các hoạt động xây dựng nông thôn mới, xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu;... Từ đầu năm đến nay có 02 xã đạt chuẩn NTM (dự kiến đến cuối năm có thêm 2 xã Điền Mỹ và Hà Lĩnh đạt chuẩn, nâng tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM lên 100%), 8 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (dự kiến đến cuối năm có thêm 12 xã đạt chuẩn NTM nâng cao), 05 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (dự kiến đến cuối năm có thêm 1 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu), hiện nay các địa phương đang thẩm tra để trình UBND tỉnh thẩm định công nhận đợt 2; lũy kế đến nay có 179/181 xã đạt chuẩn NTM, 58 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 12 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; huyện Lộc Hà, Kỳ Anh đã có Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đến nay huyện Lộc Hà đã được các sở, ngành thẩm tra đủ điều kiện trình Trung ương thẩm định, xét công nhận; huyện Kỳ Anh UBND tỉnh đã có Văn bản chỉ đạo các sở, ngành thẩm tra hoàn thành trước ngày 06/12/2023, dự kiến huyện Lộc Hà và Kỳ Anh được công nhận đạt chuẩn trong năm 2023; công nhận 41 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao, lũy kế đến nay có 239 sản phẩm đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên (đã công nhận 290 sản phẩm, trong đó: có 37 hết giá trị sử dụng chứng nhận OCOP chưa được đánh giá, công nhận lại; 14 sản phẩm không đề xuất đánh giá, công nhận lại); hạ tầng kinh tế xã hội tiếp tục được đầu tư, nâng cấp (đã làm được 287,4 km đường giao thông, nâng cấp 26 nhà văn hóa xã, 66 nhà văn hóa thôn, ra mắt 14 mô hình “Nhà văn hóa cộng đồng - Ngôi nhà Trí tuệ”, nâng cấp, xây mới 79 trường học..); văn hóa - xã hội đạt kết quả khá toàn diện, giáo dục đạt thành tích nổi bật; môi trường có chuyển biến tích cực, việc phân loại, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt được quan tâm,

thực hiện; quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững ổn định; tập trung cập nhật các nội dung, tiêu chí Khu dân cư NTM kiểu mẫu theo Quyết định 39/2022/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh, đã có 17 thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu, lũy kế đến nay có 1.117/1.627 thôn đạt chuẩn chuẩn (chiếm 68,% tổng số thôn),...

2. Khó khăn, nguyên nhân:

2.1. Các Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2022-2025 với nhiều chỉ tiêu, tiêu chí yêu cầu cao hơn giai đoạn trước như: Đối với xã đạt chuẩn NTM phải có sản phẩm nông sản chủ lực thực hiện truy xuất nguồn gốc từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung tối thiểu 20%. Đối với xã đạt chuẩn NTM nâng cao phải có sản phẩm OCOP hoặc tương đương; ứng dụng chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của xã; tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng tối thiểu 5%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung tối thiểu 55%. Đối với huyện đạt chuẩn NTM nâng cao phải có tối thiểu 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao; tỷ lệ rác được xử lý tối thiểu 95%; 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 1 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; 100% phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh... Đồng thời, hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành Trung ương ban hành chậm.

2.2. Triển khai thực hiện một số nội dung, tiêu chí tỉnh nông thôn mới theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đang gặp nhiều khó khăn, nhất là về nguồn vốn: Vốn Trung ương phân bổ chậm và thấp hơn nhiều giai đoạn trước (đến tháng 5/2022 mới phân bổ; giai đoạn này vốn Trung ương phân bổ 952,2 tỷ đồng, bằng 50% của giai đoạn trước (1.882,2 tỷ đồng), chỉ có nguồn lực tập trung cho các xã, huyện chưa đạt chuẩn)); không phân bổ ưu tiên phân bổ cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (chỉ bằng xã đã đạt chuẩn, hệ số 01); các huyện đã đạt chuẩn không được phân bổ kinh phí để duy trì, cập nhật các tiêu chí giai đoạn mới và xây dựng NTM mới nâng cao. Đại dịch Covid-19 đã qua nhưng đến nay vẫn đang còn ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, việc phát triển sản xuất kinh doanh và cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là việc huy động nguồn lực xã hội hóa trong cộng đồng dân cư.

2.3. Về cơ chế, chính sách: Do nguồn ngân sách tỉnh hạn chế nên chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của địa phương, như: Xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu; cơ chế hỗ trợ xi măng, phục hồi nâng cấp mặt đường; cơ chế tạo nguồn lực cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu từ tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn huyện giai đoạn này huy động rất hạn chế. Đồng thời gian đoạn này theo quy định cấp huyện, xã không được ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nên chưa tạo được động lực khuyến khích cộng đồng dân cư thực hiện và thu hút các nguồn lực xã hội hóa.

2.4. Các xã còn lại chưa đạt chuẩn thuộc huyện Hương Khê tiến độ thực hiện các tiêu chí để đảm bảo đạt chuẩn còn chậm, gặp nhiều khó khăn, khối lượng thực hiện còn nhiều, trong khi việc huy động nguồn lực rất khó khăn. Huyện Hương Khê và huyện Kỳ Anh phấn đấu đạt chuẩn NTM đều là những địa phương rất khó khăn, khối lượng cần thực hiện còn nhiều và nhu cầu kinh phí lớn.

2.5. Một số xã, huyện sau khi được công nhận đạt chuẩn chưa thực sự tập trung cao trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện cập nhật theo bộ tiêu chí mới, chưa tập trung xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; việc huy động xã hội hóa nguồn lực giai đoạn này gặp nhiều khó khăn.

2.6. Hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp sau kiện toàn có nhiều tồn tại, hạn chế. Văn phòng Điều phối NTM tỉnh quy định chưa rõ về chức năng quản lý nhà nước và điều phối; biên chế và kinh phí thường xuyên điều chuyển về Chi cục PTNT dẫn đến phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động. Văn phòng NTM cấp huyện không bố trí độc lập mà nằm trong phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc Phòng Kinh tế), không được bố trí Phó Chánh Văn phòng chuyên trách, không được điều động các viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp, công chức cấp xã biệt phái làm việc, trong khi khối lượng công việc lớn, số biên chế của phòng ít và có trường hợp một số huyện Phòng Nông nghiệp và PTNT chưa bố trí đủ biên chế nên rất khó khăn trong quá trình thực hiện.

3. Giải pháp trọng tâm thời gian tới:

3.1. Tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc chủ động, tích cực của người dân và huy động được các nguồn lực của xã hội; mỗi cán bộ đảng viên và toàn thể Nhân dân phải nỗ lực, quyết tâm cao để tập trung thực hiện. Cần phải thay đổi tư duy, cách làm về xây dựng NTM trong giai đoạn mới; xây dựng NTM phải ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững, không chạy theo thành tích, phong trào.

3.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy về xây dựng NTM, tạo sự đồng thuận cao, nhất quán trong cấp ủy, chính quyền các cấp và Nhân dân toàn tỉnh về thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

3.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, các sở, ngành, địa phương thực hiện; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc báo cáo, tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh tháo gỡ.

3.4. Chỉ đạo các sở, ngành theo tiêu chí phụ trách tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn xã, huyện trong quá trình thực hiện; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương; phân công, phân nhiệm và gắn với trách nhiệm người đứng đầu, nếu nội dung, tiêu chí nào thuộc ngành phụ trách đạt kết quả thấp, không hoàn thành mục tiêu theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì người đứng đầu sở, ngành đó phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

3.5. Chỉ đạo các địa phương tập trung cao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 BCH Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh và Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 (Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 25/8/2022); địa phương nào thiếu tập trung trong chỉ đạo, không hoàn thành phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh; kết quả xây dựng NTM sẽ đưa vào tiêu chí quan trọng trong xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua hằng năm của tổ chức, người đứng đầu địa phương.

3.6. Huy động, ưu tiên và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, huyện, xã) để bố trí cho xây dựng nông thôn mới; đối với những chỉ tiêu, tiêu chí khó, nhất là chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung ưu

tiên ngân sách tỉnh và huy động các nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ cho các địa phương thực hiện nhằm tháo gỡ những khó khăn. Lòng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm. Nâng cao hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức vận động xúc tiến, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa đầu tư. Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách nghị quyết cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp; cơ chế tạo nguồn lực hỗ trợ xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

3.7. Các sở, ban, ngành địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn Chương trình NTM năm 2022, 2023, nhất là nguồn vốn đầu tư xây dựng, mở rộng mạng lưới các công trình cấp nước tập trung.

3.8. Hoàn thành việc kiện toàn bộ máy Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo phù hợp, hoạt động hiệu quả.

2.9. Đề nghị Ban Thường vụ cấp ủy các Huyện, Thành phố, Thị xã; các đoàn công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát huy cao trách nhiệm để lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các nội dung ở các địa phương, trong đó tập trung cao cho việc chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; các cơ quan báo chí tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân đẩy mạnh tham gia thực hiện phong trào thi đua “Cả tỉnh chung sức xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”; thực hiện các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình, thôn xóm, làng xã văn hoá; làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, kịp thời đề xuất các giải pháp hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

10. Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023; triển khai nhiệm vụ năm 2024 (ngay trong tháng 1/2023) và phát động phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng thành công tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới” để chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện với tinh thần, quyết tâm cao nhất thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, phấn đấu đến cuối năm 2024 cơ bản hoàn thành các yêu cầu tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới quy định tại Quyết định 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Nội dung 4: *Thời gian qua, các địa phương đã tập trung hướng dẫn, hỗ trợ thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất theo quy trình VietGap, có sử dụng tem QR truy xuất nguồn gốc. Tuy nhiên, việc sản xuất theo quy trình này chưa được triển khai rộng rãi. Đề nghị UBND cho biết nguyên nhân và giải pháp khắc phục thời gian tới.*

Trả lời:

1. *Thực trạng sản xuất theo quy trình VietGAP, có sử dụng tem QR truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh*

Từ năm 2016 đến nay tỉnh ta đã quan tâm, ban hành các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó có chính sách hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, gắn với tem QR truy xuất nguồn gốc (như Nghị quyết số 32 năm 2016, số 123 năm 2018 và hiện nay là 51/2021/NQ-HĐND, 95/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh), qua đó thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, nâng cao chất lượng

sản phẩm, đến nay (tháng 11/2023) toàn tỉnh đã có 302 cơ sở được chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GloBalGAP trên các lĩnh vực:

- *Lĩnh vực Trồng trọt*: Tổng diện tích cây trồng là 1.990,87 ha/287 cơ sở được cấp giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực, trong đó với các cây trồng chủ yếu như: Cam 762,27 ha/130 cơ sở; bưởi 394.57 ha/65 cơ sở (6,5 ha được chứng nhận GloBalGAP); vườn cây ăn quả hỗn hợp 275,1 ha/41 cơ sở; rau 55,41 ha /29 cơ sở; lúa 453,92 ha/20 cơ sở; chè 49,6 ha/2 cơ sở.

- *Lĩnh vực Chăn nuôi*: Có 11 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận quy trình VietGAHP, GlobalGAP còn hiệu lực, gồm: 01 cơ sở bò sữa, 01 cơ sở nuôi bò thịt; 08 cơ sở chăn nuôi lợn; 01 cơ sở chăn nuôi vịt.

- *Lĩnh vực thủy sản*: Có 06 cơ sở NTTS được cấp Giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực, gồm: 01 cơ sở nuôi cá chim vây vàng diện tích 0,5ha, 01 cơ sở nuôi cá lồng (cá diêu hồng,...) VÀ 04 cơ sở nuôi tôm thẻ chân trắng tổng diện tích 22,63ha.

Trong số các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, có một số sử dụng tem QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hiện nay phần lớn là cây ăn quả (cam, bưởi), trung bình một mô hình sau khi được chứng nhận, được hỗ trợ theo chính sách khoảng 5.000 tem QR truy xuất nguồn gốc, đồng thời các cơ sở tự đầu tư kinh phí để in thêm. Ngoài ra, tại huyện Hương Khê đã ban hành quy định quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý Bưởi Phúc Trạch, cùng với đó là quy định về sử dụng logo, tem truy xuất nguồn gốc; trung bình mỗi năm UBND huyện Hương Khê cấp khoảng 480.000 tem chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm bưởi Phúc Trạch.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 22/10/2020 triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 về Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh, trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ các sở, ngành (*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y Tế, Công Thương*), địa phương trong quản lý về sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn thực phẩm, các sản phẩm đủ điều kiện vào hệ thống các siêu thị và Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh (<https://checkvn.hatinh.gov.vn>). Hệ thống này đã chính thức đưa vào hoạt động từ tháng 11/2023, đến nay Sở Nông nghiệp và PTNT đã tuyên truyền, hướng dẫn, cấp tài khoản cho 41 cơ sở, với 92 sản phẩm được truy xuất nguồn gốc.

2. Mặc dù việc phát triển các mô hình sản xuất theo quy trình VietGAP có tem QR truy xuất nguồn gốc tại Hà Tĩnh đã đạt được một số kết quả quan trọng, từng bước khẳng định thương hiệu, tạo niềm tin và uy tín với người tiêu dùng. Tuy nhiên so với tiềm năng thì quy mô, diện tích đạt tiêu chuẩn VietGAP chưa nhiều, vẫn còn gặp khó khăn về đáp ứng quy trình sản xuất, sử dụng các loại tem QR truy xuất nguồn gốc để nhân ra diện rộng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

a) *Nguyên nhân khách quan*:

- Sản xuất quy mô phân tán, nhỏ lẻ, chưa xây dựng được các vùng sản xuất VietGAP chuyên canh để tạo khối lượng sản phẩm lớn, đồng nhất thuận lợi cho việc áp dụng đồng bộ quy trình VietGAP, cũng như quản lý và sử dụng tem QR truy xuất nguồn gốc; số lượng thành viên trong các THT, HTX sản xuất được chứng nhận VietGAP

đồng dẫn đến công tác quản lý gặp khó khăn.

- Trong quy trình sản xuất, lưu giữ hồ sơ, ghi chép thông tin, cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc rất phức tạp việc thực hiện đòi hỏi phải có sự đầu tư về thời gian, kiến thức, nguồn lực; mặt khác giá bán các loại rau, củ, quả được chứng nhận VietGAP có tem QR truy xuất nguồn gốc không cao hơn nhiều so với sản phẩm đại trà, truyền thống, trong khi duy trì chứng nhận VietGAP và chi phí in tem QR truy xuất nguồn gốc khá cao, nên người sản xuất chưa mặn mà đầu tư.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn về quy trình sản xuất và chính sách về sản xuất VietGAP, gắn với thực hiện Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh ở một số cơ quan, địa phương chưa được chỉ đạo quyết liệt, triển khai thường xuyên, liên tục...

- Các cơ sở, HTX, THT vẫn hạn chế về nhận thức, kiến thức, năng lực và các điều kiện cần có tổ chức sản xuất theo quy trình VietGAP, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, một số cơ sở mới chỉ là mã lưu trữ nội bộ, chưa có tính mở để kết nối với bên ngoài; thông tin truy xuất công bố chưa đầy đủ trong toàn chuỗi; thông tin chưa minh bạch và chưa kết nối đầy đủ với quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

3. Giải pháp trong thời gian tới:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để mọi tổ chức cá nhân hiểu, thực hiện đầy đủ về sản xuất VietGAP; tuyên truyền về Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh theo Quyết định số 1714/QĐ-UBND, ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh, gắn với triển khai các giải pháp về Cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với hoàn thiện, ban hành và triển khai Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ đến năm 2030 và các Đề án, kế hoạch của UBND tỉnh, tuyên truyền nhân rộng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, gắn với chuyển đổi số,... Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng về quy trình VietGAP, truy xuất nguồn gốc sản phẩm...

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở sản xuất đã được chứng nhận VietGAP duy trì thực hiện đúng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn. Chủ động đăng ký thương hiệu, mẫu mã, bao bì và xúc tiến thương mại cho sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP, tạo lợi thế cạnh tranh với các sản phẩm sản xuất đại trà. Đăng ký tham gia vào Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh và sử dụng mẫu tem QR Code dùng chung theo quy định...

- Tăng cường tập huấn, đào tạo, hướng dẫn các cơ sở sản xuất theo VietGAP xây dựng và chuẩn hóa thông tin truy xuất, tiến tới đồng bộ cơ sở dữ liệu đối với các sản phẩm được chứng nhận, tăng khả năng tương tác giữa các tác nhân, tăng tính minh bạch. Nâng cao năng lực áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các cơ sở nhằm hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm chủ lực, đặc sản, đặc hữu của Hà Tĩnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của bên thứ ba trong toàn bộ chuỗi quá trình tạo ra sản phẩm đó, có nhật ký điện tử.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chính sách VietGAP còn hiệu lực (theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 95/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh), hỗ trợ chuyển đổi số góp phần thay đổi phương thức sản xuất; tập trung phát triển sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ, tuần hoàn... gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kiểm soát được chất lượng sản phẩm

đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc sản xuất VietGAP, đảm bảo đúng quy trình, tiêu chuẩn; thường xuyên theo dõi, giám sát đối với các cơ sở sản xuất VietGAP, sử dụng tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Nội dung 5: Dự án nước sạch tại 03 xã Mai Phú, Thạch Châu và Thạch Mỹ (huyện Lộc Hà) thuộc dự án BIIG2 thực hiện từ năm 2018 nhưng đến nay công tác đấu nối tiến độ chậm, chỉ mới đấu nối cho các hộ dân gần đường ống. Đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân, trách nhiệm và hướng giải quyết trong thời gian tới.

Trả lời:

1. Quá trình triển khai Dự án:

Dự án mở rộng mạng lưới sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Bộc Nguyên cấp cho 3 xã Thạch Mỹ, Mai Phú và Thạch Châu thuộc huyện Lộc Hà thuộc Tiểu dự án nước sạch cho một số xã thuộc huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, được đầu tư từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) Dự án⁴ và giao Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh làm chủ đầu tư. Dự án được Sở Xây dựng thẩm định, trình phê duyệt với vùng dự án cấp nước cho 3.500 hộ trên địa bàn 3 xã phía Nam (Thạch Mỹ, Mai Phú, Thạch Châu) huyện Lộc Hà.

Công trình được triển khai từ ngày 13/5/2020, đến ngày 02/2/2022 hoàn thành; ngày 22/3/2023, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1245/UBND-KT về bàn giao, tiếp nhận, quản lý vận hành tuyến chính và mạng lưới nước sạch 3 xã phía Nam (Thạch Mỹ, Mai Phú, Thạch Châu) thuộc dự án BIIG 2, trong đó giao Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh tạm thời tiếp nhận, quản lý đoạn trạm tăng áp, tuyến ống truyền tải; vận hành khai thác tuyến chính và mạng lưới nước sạch phục vụ 3 xã Thạch Mỹ, Mai Phú, Thạch Châu, phục vụ cấp nước an toàn, ổn định đến tận hộ gia đình; chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa mạng lưới đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả.

2. Tiến độ thực hiện đấu nối, cấp nước cho các hộ dân và quản lý vận hành

- Sau khi có chủ trương của UBND tỉnh, Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng đã phối hợp với Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh tiến hành kiểm tra, thử áp và tổ chức bàn giao (Đến ngày 28/6/2023 đã bàn giao cho Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh phần Trạm bơm tăng áp, tuyến ống truyền tải và tuyến ống dịch vụ 3 xã Thạch Mỹ, Mai Phú, Thạch Châu để thực hiện công tác đấu nối hộ gia đình).

- Căn cứ vào Văn bản số 4077/UBND-KT ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh về điều chỉnh bổ sung một số hạng mục thuộc Tiểu dự án nước sạch cho một số xã, huyện Lộc Hà - Can Lộc, thuộc dự án BIIG2 (trong đó giao Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh thực hiện công tác lắp đặt, đấu nối hộ gia đình ngay sau khi được bàn giao quản lý công trình, đảm bảo tiến độ, kỹ thuật, chất lượng, chi phí phù hợp theo đúng quy định hiện hành; kịp thời cung cấp nước sạch cho người dân, phát huy hiệu quả đầu tư của dự án). Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh đã phối hợp với chính quyền địa phương và các hộ dân trên địa bàn 3 xã Thạch Mỹ, Mai Phú, Thạch Châu triển khai ký kết hợp đồng đăng ký lắp đặt đồng hồ với tổng số hộ đăng ký lắp đặt 2.990 hộ⁵/3.500 hộ trong vùng dự án và tổ chức lắp đặt, đấu nối cho các hộ dân từ ngày 15/7/2023. Đến nay, đã lắp đặt hoàn thành và cấp nước ổn định cho 2.300 hộ, còn 690 hộ đang tiếp tục thi công

⁴gồm các hạng mục đầu tư: Trạm bơm tăng áp, tuyến ống truyền tải và tuyến ống dịch vụ (Riêng phần đồng hồ, tuyến ống đấu nối, cấp nước cho các hộ dân thuộc vốn đối ứng của người dân và do địa phương tự tổ chức thực hiện)

⁵ Gồm Xã Thạch Mỹ: 797 hộ, xã Thạch Châu: 1028 hộ; xã Mai Phú: 1165 hộ

lắp đặt, đấu nối và dự kiến hoàn thành xong trước ngày 30/01/2023 (trước tết âm lịch).

3. Tồn tại, vướng mắc:

- Việc lắp đặt, đấu nối tiến độ còn chậm so với kế hoạch, đến nay được 2.300/2.990 hộ đã ký hợp đồng (còn 690 hộ đang tiếp tục thi công lắp đặt, dự kiến hoàn thành trước tết âm lịch) như đã nêu trên. Đồng thời, hiện còn khoảng 510 hộ trong vùng dự án chưa ký hợp lắp đặt đồng hồ với Công ty CP Cấp nước Hà Tĩnh.

- Quá trình quản lý, vận hành, sử dụng còn phát sinh một số sự cố (như thi công các dự án về đường giao thông, công trình hạ tầng liên quan) tại một số thời điểm đã làm hư hỏng đường ống dẫn đến ảnh hưởng đến việc cấp nước cho người dân. Đồng thời, theo thiết kế dự toán, thì một số tuyến đường ống cấp nước được thiết kế đi một phía (một bên) các tuyến đường giao thông, dẫn đến việc đấu nối gặp khó khăn.

- Ngoài ra, hiện nay còn khoảng 10% số hộ dân tại 3 xã không nằm trong vùng dự án do không đăng ký hoặc đăng ký không đạt tiêu chí của nhà tài trợ (ADB) và một số khu dân cư mới hình thành sau Dự án nên chưa có mạng lưới, tuyến ống để đấu nối.

4. Về nguyên nhân chậm đấu nối

- Do vướng mắc về quy định bàn giao quản lý công trình (theo Nghị định 43 ngày 24/6/2022 của Chính phủ, thì Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh thuộc đối tượng được giao quản lý công trình nước sạch nông thôn, tuy nhiên hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh đang thực hiện sắp xếp, thoái vốn Nhà nước theo đề án Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo tại Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 05/6/2022 của UBND tỉnh, do vậy việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước cho Công ty để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan còn có vướng mắc) dẫn đến việc xác định đơn vị quản lý vận hành hệ thống cấp nước 3 xã Thạch Mỹ, Mai Phú, Thạch Châu gặp nhiều khó khăn.

- Trong quá trình xây dựng, vận hành hệ thống cấp nước, việc triển khai thi công một số dự án hạ tầng trên địa bàn thiếu sự phối hợp giữa các ban quản lý dự án với chính quyền địa phương và đơn vị quản lý vận hành dẫn đến một số sự cố vỡ đường ống, ngoài ra quá trình di dời, hoàn trả mặt bằng chưa có sự thống nhất.

- Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án, ở một số khu vực do người dân đăng ký ít, không đạt tiêu chí theo yêu cầu của nhà tài trợ (số lượng đăng ký phải đạt tối thiểu 70% trên từng tuyến ống) nên các tuyến đường ống nhánh phục vụ cho những khu vực này không được đưa vào vùng dự án đầu tư; một số tuyến đường trước đây hiện trạng là đường đất, nay được đầu tư kiên cố hóa, mở rộng dẫn phát sinh khó khăn, chi phí trong quá trình đấu nối cấp nước cho các hộ dân.

- Một số hộ dân nằm trong vùng dự án nhưng chưa thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng cấp nước do đó Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh chưa đủ cơ sở lắp đặt.

5. Giải pháp thời gian tới

- UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh khẩn trương thi công lắp đặt hoàn thành đối với 690 hộ còn lại đã ký hợp đồng, kịp thời cấp nước cho người dân trước tết nguyên đán 2023; phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức rà soát, thống kê các hộ dân trong vùng dự án tiến hành đăng ký bổ sung để đưa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 để tổ chức thực hiện. Đồng thời, phối

hợp với chính quyền tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng, bảo vệ công trình cấp nước đảm bảo phát huy hiệu quả công trình sau đầu tư. Nghiên cứu, có giải pháp hỗ trợ cùng chính quyền và người dân đầu tư, lắp đặt bổ sung một số đường ống dịch vụ để phục vụ đầu nối đến tận hộ gia đình, nhất là các hộ, khu dân cư mới hình thành sau dự án.

- Chỉ đạo UBND huyện Lộc Hà và UBND 3 xã Thạch Mỹ, Mai Phụ, Thạch Châu:

+ Phối hợp, hỗ trợ Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh trong quá trình triển khai, đẩy nhanh tiến độ lắp đặt, đầu nối với các hộ dân đã ký kết hợp đồng, hoàn thành trước 30/01/2024.

+ Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, đơn vị thi công dự án hạ tầng trên địa bàn có liên quan phối hợp với Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh, Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng tỉnh trong quá trình khắc phục các sự cố, thực hiện các biện pháp di dời, hoàn trả hệ thống tuyến đường ống theo thiết kế ban đầu, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ cấp nước cho người dân. Tổ chức công tác bàn giao, tiếp nhận, quản lý công trình theo đúng quy định.

+ Có phương án hỗ trợ, lồng ghép từng nguồn vốn ngân sách huyện, xã để hỗ trợ, cùng người dân trên địa bàn đầu tư lắp đặt bổ sung các tuyến ống dịch vụ tại các khu vực chưa được Dự án đầu tư. Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ dân tham gia đăng ký, ký kết hợp đồng lắp đặt, đầu nối để sớm được sử dụng nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, an toàn cho sức khỏe, cuộc sống.

- Chỉ đạo các Sở ngành chuyên môn (Sở Xây dựng, Sở Tài chính) rà soát các bất cập trong công tác bàn giao quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung, kiến nghị đề xuất với các Bộ ngành Trung ương sửa đổi bổ sung các quy định để tổ chức thực hiện bàn giao quản lý công trình theo đúng quy định.

Kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt